TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/DS-ST
Ngày: 10/11/2021
V/v tranh chấp: *"Đặt cọc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Phan Thanh Dũng

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp *"Đặt cọc"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 521/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: Ông **Hứa Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.

Bị đơn*: Ông **Trương Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T Khương B, xã T Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

**Người làm chứng:*

Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T Thuận, xã T Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Trương Văn H có thỏa thuận mua đồng vịt nên tôi đã đưa tiền cọc cho ông H để ông H liên hệ người nông dân trong địa phương xã Trường Xuân B đặt cọc. Cụ thể tôi đã giao cho ông H số tiền 23.000.000đồng vào các ngày: ngày 10/4/2020 (âm lịch) giao 5.000.000đồng có ông Nguyễn Văn H1 chứng kiến; ngày 25/4/2020 (âm lịch) giao 5.000.000đồng (không làm biên nhận); ngày 06/5/2020 (âm lịch) giao 10.000.000đồng (không làm biên nhận); ngày 24/5/2020 (âm lịch) giao 3.000.000đồng (không làm biên nhận). Đến ngày 07/4/2021, tôi tìm ông H để đòi nợ thì ông H hứa trả mỗi tháng 5.000.000đồng và lập giấy nợ thống nhất nợ tôi 23.000.000đồng. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông H trả lại cho tôi 23.000.000đồng.

Bị đơn ông Trương Văn H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết nên không có ý kiến trình bày.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Tôi có chứng kiến ông T đưa cho ông H tiền đặt cọc mua đồng vịt 5.000.000đồng. Do bận làm ăn xa nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Người làm chứng yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"tranh chấp đặt cọc"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ H mà vẫn vắng mặt, người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hứa Văn T: Yêu cầu ông Trương Văn H trả lại số tiền cọc mua đồng vịt 23.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, thỏa thuận đặt cọc giữa ông T và ông H là có thật, do ông H vi phạm thỏa thuận nên ông T khởi kiện là có căn cứ. Về số tiền cọc,

lần đầu ông T giao tiền cho ông H 5.000.000đồng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn H1, tuy nhiên, những lần tiếp theo thì ông T giao tiền cho ông H không có ai chứng kiến và cũng không lập biên nhận nhưng sau đó thì H bên xác nhận nợ theo Giấy nợ ngày 07/4/2021 do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như Ban hòa giải ấp T Khương B thì phía bị đơn ông Trương Văn H đều cố tình vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, hơn nữa, ông H cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như ông H từ bỏ quyền chứng minh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 328; 357 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn T. Buộc ông Trương Văn H trả cho ông Hứa Văn T tiền đặt cọc 23.000.000đồng (H mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn H phải chịu 1.150.000đồng. Ông Hứa Văn T được nhận lại 575.000đồng theo biên lai thu số 015936 ngày 28/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc